

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15/06/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Thùy Trang**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **Lữ Kim Hằng**

2/ Bà **Vũ Thị Thùy Dương**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Phạm Thái Học**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Diệp**, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 355/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: chị Phạm Thị Thanh H, sinh năm: 1987

HKTT và nơi cư trú: tổ 19, ấp L L, xã X M, huyện C M, tỉnh Đ N.

- *Bị đơn*: anh Trần D, sinh năm: 1982

HKTT và nơi cư trú: tổ 19, ấp L L, xã X M, huyện C M, tỉnh Đ N.

- *Người làm chứng*: bà Lại Thị Thanh L, sinh năm: 1964

HKTT và nơi cư trú: ấp L L, xã X M, huyện C M, tỉnh Đ N.

(Chị H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt không có lý do, bà L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản đối chất và biên bản hòa giải nguyên đơn chị Phạm Thị Thanh H trình bày: Trên cơ sở tự nguyện, chị Phạm Thị Thanh H và anh Trần D tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã X M, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai ngày 25/01/2007. Đây là hôn nhân lần đầu của cả hai. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ kinh tế gia đình khó khăn nên khi sinh thêm cháu thứ hai, gánh nặng kinh tế lớn trong khi cả gia đình chỉ trông chờ vào

tiền lương công nhân cạo mủ của anh D, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã và xô xát nhau. Hiện vợ chồng không còn tin tưởng, quan tâm đến nhau nữa chị H đã về nhà ba mẹ ruột sinh sống từ tháng 3/2021. Nay nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hòa giải đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh D.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Trần Mỹ L1, sinh ngày 22/9/2007 và cháu Trần Phúc K, sinh ngày 01/12/2015, hiện cháu K đang ở cùng chị H, còn cháu L1 đang ở với anh D. Nay chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu K, giao cháu L1 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H trình bày không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Trần D đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai.

- Theo lời khai của người làm chứng bà Lại Thị Thanh L trình bày: Bà là mẹ ruột của chị H. Sau khi kết hôn, chị H và anh D sống cùng gia đình chồng tại ấp L L, xã X M, huyện C M, được khoảng 02 năm thì ra ở riêng trên đất của ba mẹ chồng cho ngay cạnh nhà. Trước đây, vợ chồng chị H và anh D chung sống hạnh phúc cho đến sau khi sinh cháu thứ hai, khi đó bản thân H không có việc làm và ở nhà nuôi con nhỏ, cả gia đình chỉ trông vào lương công nhân cạo mủ cao su ít ỏi của anh D nên khiến cho kinh tế gia đình chật vật. Dẫn đến vợ chồng bắt đầu xảy ra những lục đục mâu thuẫn về tiền bạc kinh tế gia đình. Vào năm 2017, khi gia đình phát hiện chị H có thiếu một khoản tiền bên ngoài để tiêu xài cho gia đình mà không cho anh D biết, dẫn đến vợ chồng cãi vã và đánh nhau. Để giải quyết thì hai bên gia đình nội ngoại cho mỗi bên một ít tiền để vợ chồng chị H và anh D trang trải hết nợ nần. Nhưng sau vài tháng lại xảy ra cãi vã xô xát nhau, vợ chồng mâu thuẫn âm ỉ kéo dài cho tới nay mặc dù hai bên gia đình đã cố gắng hòa giải nhưng vẫn không được. Từ tháng 3/2021 chị H sang nhà vợ chồng bà ở cho đến nay.

- *Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:* Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (bản sao chứng thực); giấy khai sinh con chung (bản sao); giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); bản tự khai; biên bản lấy lời khai của đương sự; biên bản xác minh của Tòa án và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người làm chứng đã chấp hành pháp luật và nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Riêng bị đơn chưa chấp hành

đầy đủ và vắng mặt không có lý do, nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Về đường lối giải quyết: áp dụng Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và các điều 85, 89, 90, 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Phạm Thị Thanh H ly hôn anh Trần D; về con chung: giao cháu Trần Mỹ L1, sinh ngày 22/9/2007 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trần Phúc K, sinh ngày 01/12/2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về án phí sơ thẩm: theo quy định pháp luật.

Kiến nghị khắc phục: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phạm Thị Thanh H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con với anh Trần D. Anh D có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại ấp L L, xã X M, huyện C M, tỉnh Đ N. Nên căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng chị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thanh H và anh Trần D tự nguyện chung sống và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã X M, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai vào ngày 25/01/2007 nên xác định là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống, chị H cho rằng cuộc sống chung hạnh phúc cho đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế gia đình khó khăn, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã xô xát nhau. Mâu thuẫn kéo dài chị H đã về nhà ba mẹ ruột sống ly thân cho đến nay.

Quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ xác định được: Theo biên bản lấy lời khai của người làm chứng bà Lại Thị Thanh L và biên bản xác minh tại gia đình ông Trần D1 thì vợ chồng anh D và chị H xảy ra nhiều mâu thuẫn cãi vã xoay quanh vấn đề kinh tế tiền bạc trong gia đình, nên từ đầu năm 2021 vợ chồng chị

H và anh D đã sống ly thân. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Trần D đến Tòa án làm việc nhưng bỏ về không rõ lý do, sau đó dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do, cho thấy anh D không có thiện chí hàn gắn tình cảm, bỏ mặc quan hệ hôn nhân với chị H, mặc cho hậu quả xảy ra. Do đó yêu cầu ly hôn của chị H là có cơ sở nên chấp nhận.

- Về con chung: Chị H yêu cầu giao cháu Trần Mỹ L1, sinh ngày 22/9/2007 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng và chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Phúc K, sinh ngày 01/12/2015. Nhận thấy, cháu L1 hiện nay đang ở với anh D kể từ ngày anh chị sống ly thân và cháu L1 cũng có nguyện vọng được tiếp tục ở với anh D, đồng thời qua xác minh bản thân anh D cũng có nơi ở và thu nhập ổn định. Đối với cháu K còn nhỏ và cần sự chăm sóc của mẹ, bản thân chị H hiện tại cũng có thu nhập và nơi ở ổn định. Xét thấy, việc giao cháu L1 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu K cho chị H là phù hợp và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu.

Do chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh D không đến Tòa án để làm việc nên không có lời khai về việc cấp dưỡng, nên tạm thời chị H và anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh D không có lời khai về việc này, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Do chị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thanh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thanh H được ly hôn với anh Trần D.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Mỹ L1, sinh ngày 22/9/2007 cho anh Trần D trực tiếp nuôi dưỡng; Giao con chung là cháu Trần Phúc K, sinh ngày 01/12/2015 cho chị Phạm Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời anh Trần D và chị Phạm Thị Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh D và chị H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Thanh H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị H đã nộp sang án phí theo biên lai thu tiền số 0000915 ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- THADS huyện Cẩm Mỹ;
- UBND xã XM, h Cẩm Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Trương Thị Thùy Trang